

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Kim Ngân

2. Bà Phạm Thị Thu Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Nhà văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T

Địa chỉ: KDC số 2, thôn P, xã , huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Bị đơn: Anh Võ Văn H

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Nguyên đơn có mặt, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Võ Văn H tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 02 năm 2016 âm lịch, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 12/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, ham chơi nhậu nhẹt nên vợ chồng thường hay cãi vã, xô xát nhau. Vợ chồng chỉ sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 mãi đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay chị cảm thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, tình cảm

vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/11/2020, bị đơn anh Võ Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2016 tại UBND xã Đ. Trong quá trình chung sống, do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống giữa anh và chị T không hạnh phúc, vợ chồng anh ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 Luật HNGĐ; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Võ Văn H
- + Giao cháu Võ Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/8/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H chưa cấp dưỡng nuôi con.
- + Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005820, ngày 16 tháng 10 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Võ Văn H có đơn xin vắng mặt tại Tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Võ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh H có đơn xin vắng mặt tại Tòa và thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, việc chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H xác nhận là vợ chồng có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/8/2015. Tại bản tự khai ngày 09/11/2020, anh H đồng ý giao con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa, chị T tiếp tục yêu cầu được nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển một cách toàn diện về mọi mặt của cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã phân tích, giải thích pháp luật về cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định của pháp luật, nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005820, ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Võ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Thành L, sinh ngày 10/8/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền số 0005820, ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp